

Số: /BC-UBND

Vĩnh Bảo, ngày tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”

PHẦN THỨ NHẤT

Bối cảnh quốc tế, trong nước, thành phố và công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ THÀNH PHỐ

Hiện nay quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cùng với đó là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (*Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*) đang diễn ra mạnh mẽ và sự hình thành của nền kinh tế tri thức, xã hội là những nhân tố tác động làm thay đổi đến các mặt của xã hội. Vì thế muốn hội nhập quốc tế sâu rộng và tận dụng được những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và của nền kinh tế tri thức, xã hội các quốc gia cần xây dựng nguồn nhân lực có tri thức, kỹ năng, phẩm chất cần thiết. Do đó, toàn cầu hóa trong giáo dục cũng là một thách thức đối với mỗi quốc gia, đòi hỏi cần có sự đổi mới căn bản và toàn diện.

Sau 37 năm đổi mới (1986-2023) về kinh tế, Việt Nam đã và đang phát triển ổn định, từ một nước đói nghèo vươn lên trở thành nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về nông thủy sản, bước vào ngưỡng thu nhập trung bình và hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế thế giới; đặc biệt là Nghị quyết số 29-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW*) đã đưa ra quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để định hướng phát triển giáo dục trong thời kỳ mới. Một hệ thống giải pháp toàn diện và đồng bộ được đưa ra, gồm: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo; Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học cùng với đó nền giáo dục nước ta đã đạt được nhiều thành tựu trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy nhân tố con người nhằm thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Giai đoạn 2013-2023 là giai đoạn đánh dấu những bước phát triển bứt phá

của nền kinh tế-xã hội thành phố Hải Phòng. Kinh tế thành phố phát triển toàn diện, luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế, chất lượng tăng trưởng chuyển dịch theo đúng định hướng. Đây là cơ sở vững chắc để thành phố tiến triển hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2025, trở thành thành phố công nghiệp hiện đại, văn minh, bền vững vào năm 2030. Chính bối cảnh quốc tế, trong nước và thành phố đó là những điều kiện thuận lợi để giáo dục và đào tạo của huyện Vĩnh Bảo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện

Ngay sau khi có Nghị quyết số 29-NQ/TW, căn cứ các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố, của Huyện ủy, UBND huyện đã xác định rõ đây là nhiệm vụ vừa trước mắt, vừa lâu dài và là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư nguồn lực để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế với những việc làm cụ thể như:

- Chỉ đạo các phòng, ban chức năng của huyện, Phòng Giáo dục và đào tạo; đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục trong toàn huyện tham gia đầy đủ các lớp học tập, phổ biến quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 4/02/2015 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 04-KH/HU ngày 30/5/2015 của Huyện ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW bằng nhiều hình thức, tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân trên hệ thống truyền thanh từ huyện đến cơ sở; trong đó tập trung tuyên truyền để Nhân dân hiểu rõ về mục đích, yêu cầu, đặc biệt là nội dung "*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*"; trong đó nhấn mạnh sự đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước đến các cơ sở giáo dục và đào tạo, sự tham gia của gia đình, cộng đồng xã hội, sự đồng thuận của Nhân dân trong nhận thức về chủ trương, đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò của giáo dục và đào tạo: Giáo dục là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

Quán triệt tuyên truyền sâu rộng chương trình hành động của Huyện ủy và chương trình phối hợp hành động thực hiện nghị quyết của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học, Hội Cựu giáo chức huyện nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ giáo viên toàn ngành; cán bộ, nhà giáo, hội viên Hội Cựu giáo chức, hội viên Hội Khuyến học và mọi tầng lớp nhân dân về các nội dung của Nghị

quyết.

Bên cạnh công tác tổ chức học tập, phổ biến tuyên truyền, Hội đồng nhân dân, UBND huyện chủ động xây dựng các đề án, kế hoạch và Chương trình hành động với những nhiệm vụ cụ thể để chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các phòng, ban chức năng huyện, UBND các xã, thị trấn, các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và xây dựng nghị quyết, đề án, kế hoạch, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương¹.

Hằng năm, UBND huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các phòng ban chức năng của huyện tham mưu đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết, nhằm rút ra những kinh nghiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết. Nhìn chung, sau 10 năm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện đã có những chuyển biến tích cực và đạt nhiều thành tích, kết quả tốt đẹp. Trong đó đã tổng kết Đề án 579/ĐA-UBND ngày 01/8/2012 của UBND huyện về việc "*Đẩy mạnh phát triển giáo dục phổ thông huyện Vĩnh Bảo*" giai đoạn 2012-2020 và sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng Nhân dân huyện về việc phát triển giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non huyện Vĩnh Bảo đến năm 2020, định hướng năm 2030. Đồng thời tiếp tục triển khai việc thực hiện các nghị quyết, đề án, kế hoạch của HĐND, UBND huyện về lĩnh vực giáo dục và đào tạo còn hiệu lực.

2. Kết quả đạt được sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

2.1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

Các cấp ủy Đảng và chính quyền đã tập trung chỉ đạo quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản,

¹ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 13/1/2017 của UBND huyện thực hiện Kết luận số 29-KL/TU ngày 12/3/2015 của Ban Thường vụ Thành ủy sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU ngày 03/12/2009 về việc phát triển giáo dục mầm non đến năm 2015, định hướng năm 2020; Kế hoạch số 1367/KH-UBND, ngày 03/7/2018 của UBND huyện về phát triển giáo dục phổ thông và mầm non huyện Vĩnh Bảo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1092/KH-UBND ngày 4/6/2018 của UBND huyện về việc tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo đến năm 2020; Kế hoạch số 679/UBND ngày 22/3/2019 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Bảo giai đoạn 2018-2025; Kế hoạch số 1132/KH-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện Vĩnh Bảo về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 1131/KH-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg, ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo; Kế hoạch số 1133/KH-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện Vĩnh Bảo về việc xây dựng và phát triển trường THCS Tam Cường giai đoạn 2019-2025, định hướng 2030, Nghị quyết số 05-NQ/HU của Đảng bộ huyện và Đề án số 2568/ĐA-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025; định hướng năm 2030.

toàn diện giáo dục và đào tạo được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của Huyện và chương trình phối hợp hành động thực hiện Nghị quyết giữa Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện với Hội khuyến học, Hội Cựu giáo chức huyện.

Cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, thống nhất trong nhận thức để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo vai trò quyết định là của đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục, của đội ngũ nhà giáo, người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình phải có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và địa phương trong việc giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho con, em mình từ đó tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia đánh giá, giám sát, phản biện của toàn xã hội đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý từ Phòng Giáo dục và Đào tạo đến cơ sở giáo dục trong toàn huyện kịp thời được kiện toàn; quan tâm công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý cho CBQL giáo dục và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo. Kết quả đã nâng cao mức độ hiểu biết và ủng hộ của cán bộ, đảng viên, Nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Hàng năm, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phối hợp với Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp xây dựng kế hoạch, tổ chức các lớp giáo dục chính trị hệ cho 100% cán bộ quản lý và giáo viên toàn huyện; 100% cán bộ quản lý các cấp học có trình độ trung cấp lý luận chính trị, đồng thời cử cán bộ dự nguồn các trường học tham gia học tập chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị, cao cấp lý luận chính trị và học lớp thạc sĩ². Công tác phát triển Đảng trong ngành giáo dục được quan tâm, đến nay toàn huyện có 1.636 (chiếm 75%) giáo viên là đảng viên, tăng 22% so với năm 2013. Cấp ủy Đảng các nhà trường đã thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo.

UBND huyện thường xuyên chỉ đạo xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh cùng các tổ chức đoàn thể và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường. Xác định rõ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan và từng cán bộ công chức, viên chức trong thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ một cách dân chủ, mọi cán bộ, giáo viên, nhân viên có bản lĩnh chính trị, phẩm chất tốt, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ, không có những biểu hiện tiêu cực.

UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu kịp thời, triển khai thực hiện tốt việc tập trung đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước cho việc tu sửa,

² Hiện nay toàn huyện có 37 đồng chí đang học lớp thạc sĩ, trong đó có 27 là cán bộ quản lý của các trường MN, TH, THCS.

xây mới các công trình trường học, đặc biệt là nguồn đầu tư cho giáo dục theo Chương trình nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu; công tác xã hội hóa giáo dục, nhất là huy động các nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất trong các trường được quan tâm³. Đến nay toàn huyện có 73/83 trường học được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 87,95%. Trong đó bậc MN là 28 trường, cấp TH 23 trường, cấp THCS 17 trường, cấp THPT 5 trường.

Ngành giáo dục huyện đã tổ chức tốt các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, khắc phục được các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc xã hội như bệnh thành tích trong giáo dục, hiện tượng quá tải trong giáo dục, bạo lực học đường và sự xuống cấp về đạo đức của một bộ phận học sinh; đồng thời thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các khoản thu theo quy định, hạn chế việc xảy ra đơn thư phản ánh về các khoản thu không đúng quy định. Việc tổ chức học thêm, dạy thêm trong toàn huyện được thực hiện nghiêm túc theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố; Công văn số 146/SGDDT-TrH ngày 14/02/2017 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về công tác dạy thêm, học thêm; khắc phục được hiện tượng dạy thêm, học thêm tràn lan ngoài nhà trường. Công tác giáo dục đạo đức học sinh được các nhà trường quan tâm, học sinh chăm ngoan, chất lượng ngày càng được nâng cao, hiện tượng bạo lực học đường đã được đặc biệt chú ý.

Công tác dự báo, quy hoạch trường lớp và phát triển nguồn nhân lực của huyện đã được quan tâm. Đến nay, về cơ sở vật, các phòng học, phòng chức năng cơ bản đáp ứng yêu cầu của việc tổ chức dạy học; tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (trong biên chế) ngành Giáo dục và Đào tạo huyện: 2.676 người (Phòng Giáo dục và Đào tạo: 08; Các đơn vị trường học: 2.668)⁴.

2.2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

Với phương châm chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, cả hệ thống chính trị và nhân dân toàn huyện. Chính vì vậy, nhiều chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và các Chương trình, Đề án, kế hoạch của Huyện ủy, HĐND và

³ Tổng số tiền đầu tư theo dự án từ năm 2013 đến năm 2022 là 807.187 triệu đồng (*Tám trăm linh bảy tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu đồng*), trong đó vốn sự nghiệp 223.576 triệu đồng, công trình đầu tư công là 200.217 triệu đồng, nguồn vốn theo Chương trình nông thôn mới là 383.394 triệu đồng, Chương trình GDPT 2018 là 13.063 triệu đồng. Về kinh phí thu được từ nguồn xã hội hóa giáo dục từ năm 2013 đến năm 2022 là 136.326 triệu đồng. trong đó, bậc MN 24.083 triệu đồng, cấp tiểu học là 70.491 tỷ đồng, cấp THCS 25.211 triệu đồng, cấp THPT, GDTX là 16.541 triệu đồng. Số phòng học năm 2013 có 1111 phòng đến nay có 1392 phòng, tăng 281 phòng.

⁴ Trong đó, bậc Mầm non: 87 cán bộ quản lý, 589 giáo viên và 246 nhân viên; cấp Tiểu học: 54 cán bộ quản lý, 627 giáo viên và 26 nhân viên; cấp Trung học cơ sở: 43 cán bộ quản lý, 491 giáo viên và 34 nhân viên; cấp THPT: 16 cán bộ quản lý, 282 giáo viên và 34 nhân viên; Trung tâm GDNN-GDTX: 03 cán bộ quản lý, 27 giáo viên và 02 nhân viên.

UBND huyện⁵ đã có những tác động rất lớn tới sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc cùng với sự tăng trưởng của kinh tế-xã hội huyện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư, đảm bảo cơ bản nhu cầu dạy và học. Mạng lưới trường, lớp được sắp xếp từng bước hoàn chỉnh, phù hợp với điều kiện của địa phương⁶. Nhiều trường học di chuyển ra vị trí mới, nhiều trường học được mở rộng diện tích, xây mới các phòng học, phòng chức năng. Thư viện của các trường được xây dựng và nâng cấp theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cơ bản đủ về số lượng định biên được giao mà còn không ngừng nâng cao về chất lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn và trên chuẩn; vững vàng về tư tưởng, chính trị, luôn là tấm gương sáng cho học sinh noi theo; đời sống của giáo viên được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Chất lượng giáo dục nâng lên theo hướng toàn diện thông qua đổi mới chương trình giáo dục, đặc biệt triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đổi mới phương pháp, đổi mới kiểm tra đánh giá, thi cử.

Đối với giáo dục mầm non, UBND huyện đã chỉ đạo triển khai từ năm học 2017-2018 các trường Mầm non triển khai thực hiện chương trình Giáo dục mầm non theo Thông tư số 28 ngày 30/12/2016 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN. Nội dung của chương trình được xây dựng xuất phát trên quan điểm giáo dục tích hợp, giáo dục hướng vào trẻ, lấy trẻ làm trung tâm. Nội dung chương trình đã tạo điều kiện cho trẻ được hoạt động tích cực đáp ứng nhu cầu phát triển và hứng thú của trẻ. Nội dung chương trình không nhấn mạnh vào việc cung cấp những kiến thức, kỹ năng đơn lẻ, mà theo hướng tích hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chăm sóc với giáo dục và giữa các mặt giáo dục với nhau, được thực hiện thông qua hoạt động chủ đạo với các hoạt động đa dạng, phù hợp với từng độ tuổi. Chương trình chú trọng đến kích thích phát triển các giác quan, các chức năng tâm sinh lý, hình thành những phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống nền tảng để chuẩn bị thuận lợi cho trẻ vào học lớp 1 và phát triển tốt ở các giai đoạn sau.

Đối với giáo dục phổ thông, chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng mũi nhọn học sinh giỏi có bước tiến vững chắc, đạt thứ hạng cao⁷. Tỷ lệ học

⁵ Nghị quyết số 29-NQ/TW; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trong đó có các tiêu chí về giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 06-NQ/HU của Huyện ủy về phát triển giáo dục phổ thông giai đoạn 2012 – 2020; Đề án số 579/ĐA-UBND của UBND huyện về đẩy mạnh phát triển giáo dục phổ thông giai đoạn 2012 - 2020; Kế hoạch số 855/KH-UBND ngày 13/11/2012 về việc tổ chức, sắp xếp thí điểm một số trường trung học cơ sở giai đoạn 2012 -2020; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND huyện về kế hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non đến năm 2025. Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 10/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện và Đề án số 2568/ĐA-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030...

⁶ Năm 2013, toàn huyện có 103 trường với 148 điểm trường đến nay đã quy hoạch, sắp xếp còn 84 trường với 110 điểm trường (Bậc MN 30 trường, cấp TH 26 trường, THCS 22 trường, THPT 05 trường 01 TTGDNN-GDTX).

⁷ Năm học 2021-2022, toàn huyện có 312 học sinh tham gia, có 207 học sinh đoạt giải đạt tỷ lệ 66.35%; trong đó có 16 giải Nhất, 45 giải Nhì, 68 giải Ba, 78 giải KK. Kết quả Giao lưu HSG cấp quốc gia đạt 03 giải. Năm học

sinh đổ vào các trường đại học, cao đẳng tỉ lệ trên 80%; tỉ lệ học sinh có học lực và hạnh kiểm yếu, kém các bậc học giảm đáng kể; tỉ lệ học sinh bỏ học, lưu ban giảm góp phần vào việc vận động đưa trẻ đến trường, duy trì thành quả phổ cập giáo dục các bậc học.

Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục truyền thống, văn hóa lịch sử, giáo dục quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp cho học sinh được quan tâm đúng mức với những hình thức giáo dục rất phong phú, mang lại hiệu quả cao. Công tác xã hội hóa giáo dục đã góp phần vào sự phát triển giáo dục phổ thông của huyện, sự đóng góp ấy không dừng lại ở tài chính mà đóng vai trò to lớn trong việc phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục đạo đức cho học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Các cơ sở giáo dục trong toàn huyện đã thực hiện nghiêm túc việc đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Kế hoạch bài học đã thể hiện theo tinh thần đổi mới với việc định hướng năng lực, phẩm chất cần hình thành trong tiết học; kết hợp phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học tích cực, các hình thức tổ chức dạy học phong phú, trên lớp, ở nhà, trong đó chú trọng đến việc tổ chức các hoạt động dạy học; hoạt động của học sinh không chỉ đơn thuần diễn ra trong lớp học mà được diễn ra không gian ngoài lớp học với việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm gắn liền với các tiết dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn, chủ đề giáo dục STEM.

Cùng với việc đổi mới PPDH, việc đổi mới kiểm tra giá thường xuyên, định kỳ kết quả học tập và rèn luyện của học sinh theo Thông tư, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng tiếp cận năng lực tập trung vào các định hướng như: chuyển từ chủ yếu đánh giá kết quả học tập cuối kỳ, cuối năm sang sử dụng các loại hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ sau từng chủ đề, từng chương nhằm mục đích phản hồi điều chỉnh quá trình dạy học (đánh giá quá trình); Chuyển từ đánh giá từ ghi nhớ, hiểu kiến thức sang đánh giá năng lực vận dụng, giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đặc biệt chú trọng đánh giá các năng lực tư duy bậc cao như tư duy sáng tạo. Trong quá trình kiểm tra đánh giá, các đơn vị đã tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá: sử dụng các phần mềm thẩm định các đặc tính đo lường của công cụ (độ tin cậy, độ khó, độ phân biệt, độ giá trị) và sử dụng các mô hình thống kê vào xử lý phân tích, lý giải kết quả đánh giá.

Việc thực hiện chủ trương đổi mới, nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của UBND thành phố⁸, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch 679/KH-UBND

2022-2023 có 509 học sinh tham gia, có 360 học sinh đoạt giải, trong đó có 25 giải Nhất, 80 giải Nhì, 123 giải Ba, 131 giải KK.

⁸ Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung

ngày 22/03/2019 và Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 22/3/2029 về việc triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Bảo giai đoạn 2017-2025; trong đó tập trung rà soát các trường có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện đề án. Cụ thể các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã triển khai chương trình tiếng Anh hệ 10 năm từ năm học 2009-2010, các trường THCS triển khai từ năm học 2010-2011. Đến nay, 100% học sinh tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5 đã được học tiếng Anh, trong đó lớp 1, lớp 2 học học làm quen với tiếng Anh theo Chương trình của Bộ GD&ĐT, lớp 3 học tiếng Anh theo Chương trình GDPT 2018, lớp 4 và lớp 5 học chương trình tiếng Anh theo Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; đối với cấp THCS đã triển khai dạy tiếng Anh đối với học sinh lớp 6, lớp 7 theo Chương trình GDPT 2018, lớp 8, lớp 9 học theo Chương trình tiếng Anh hệ 10 năm. Kết quả sau khi triển khai thực hiện Chương trình tiếng Anh theo Đề án ngoại ngữ quốc gia, cơ bản chất lượng qua các kỳ kiểm tra được nâng lên, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của học sinh mạnh dạn hơn, đặc biệt là kỹ năng nghe và nói.

2.3. Về đổi mới căn bản hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

Đối với cấp tiểu học, việc đánh giá, xếp loại học sinh được các nhà trường thực hiện một cách nghiêm túc theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT đối với Chương trình giáo dục phổ thông 2006; Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về kiểm tra đánh giá xếp loại học sinh tiểu học Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đội ngũ CBQL, giáo viên đã nắm vững về cách nhận xét, đánh giá học sinh theo đúng tinh thần của Thông tư, trong đó chú trọng việc đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; việc đánh giá học sinh tiểu học đã tạo được sự đồng thuận trong xã hội; giáo viên quan tâm đến từng đối tượng học sinh, tổ chức các hoạt động dạy học nhẹ nhàng, thiết thực, hiệu quả hơn. Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá theo đúng các văn bản hướng dẫn. Tăng cường khảo sát năng lực học sinh với mục tiêu định hướng cho các nhà trường trong công tác quản lý, chỉ đạo tiếp cận với yêu cầu đánh giá năng lực và phẩm chất học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó, CBQL các nhà trường đã rút kinh nghiệm đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học.

Đối với cấp THCS, THPT, việc đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh được thực hiện theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT và Thông tư

Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025; Quyết định số 2658/QĐ-BGDĐT ngày 23/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025; Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018-2025;

26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học đối với Chương trình giáo dục phổ thông 2006; Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 đối với Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bài kiểm tra thường xuyên được đa dạng về hình thức, môn Tiếng Anh, Tiếng Việt, môn Ngữ văn đã chú trọng đến cả 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết; đề kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ có sự kết hợp kiểm tra lý thuyết và thực hành. Giáo viên chủ động, linh hoạt ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá học sinh một cách hợp lý, phù hợp giữa hình thức trắc nghiệm với tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan, chỉ đạo nghiêm túc việc xây dựng ma trận đề kiểm tra. Đề kiểm tra các môn học đã được gắn liền với thực tiễn cuộc sống; đặc biệt là sự đổi mới kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông. 100% trường học phổ thông trong toàn huyện đã xây dựng bộ đề kiểm tra định kỳ theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh đó các đơn vị đã làm tốt công tác tuyên truyền trong cán bộ, giáo viên phụ huynh và học sinh về đổi mới thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT có ba bài thi gồm Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, hàng năm Sở và Phòng GD&ĐT chỉ đạo công tác kiểm định chất lượng giáo dục cho các cấp học; trong đó xác định rõ mục đích, yêu cầu, tầm quan trọng của công tác kiểm định chất lượng giáo dục từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và tổ chức thực hiện, có các giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các cấp học đã bám sát các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng kế hoạch tự kiểm tra đánh giá và thực hiện một cách nghiêm túc 7 bước của quy trình làm kiểm định chất lượng. Đến nay, 100% các trường đã hoàn thành việc tự đánh giá kiểm định chất lượng, có 63/84 cơ sở giáo dục trong huyện (trong đó bậc MN có 29 trường, cấp TH có 12 trường, cấp THCS 16 trường, THPT và GDTX 06 trường) được Sở GD&ĐT công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, tăng 61 trường so với năm 2013.

2.4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Về xây dựng xã hội học tập, căn cứ các văn bản của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND thành phố⁹, UBND huyện ban hành các văn bản để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện việc thí điểm công nhận huyện học tập¹⁰

⁹ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 44/2014/TT-2014-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2022 của UBND thành phố về việc triển khai thí điểm công nhận quận/huyện học tập, thành phố học tập; đồng thời tổ chức tuyên truyền thông tin thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 15/11/2021 của UBND thành phố; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thí điểm công nhận quận/huyện học tập, thành phố học tập

¹⁰ Các văn bản UBND huyện đã ban hành liên quan đến xây dựng xã hội học tập: Quyết định số 250/QĐ-UBND

để chỉ đạo 30 xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo và kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập. Thông qua hoạt động của Ban chỉ đạo và Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn đã nâng cao nhận thức trong đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về việc chuyển đổi sang mô hình giáo dục mở, xác định xây dựng xã hội học tập là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là mục tiêu cơ bản trong chiến lược chấn hưng và phát triển giáo dục. Gắn kết chặt chẽ phong trào “Xây dựng xã hội học tập” với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, khuyến khích và hỗ trợ phong trào học tập, nâng cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp của mọi người trong nhà trường và ngoài xã hội; đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài nhằm huy động mọi lực lượng xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập. Xây dựng ý thức thường xuyên tự học, tự nâng cao trình độ của mỗi người và ý thức trách nhiệm của mỗi gia đình, dòng họ, tổ dân phố, thôn xóm.

Về công tác hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông, căn cứ kế hoạch số 126/KH-UBND, ngày 24/4/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc triển khai thực hiện Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng", UBND huyện đã chỉ đạo Phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT¹¹; tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học nghề tạo điều kiện cho Trung tâm GDNN-GDTX huyện dạy bổ túc văn hoá trung học phổ thông gắn với việc dạy nghề góp phần bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại cơ sở sản xuất, kinh doanh; huy động sự tham gia của xã hội trong xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học¹²; chỉ đạo Trung tâm GDNN-GDTX huyện liên kết với các Trung tâm đào tạo nghề có uy tín trong và ngoài thành phố để đào tạo nghề, đảm bảo cho 100% học sinh được học nghề và tư vấn, hướng dẫn học sinh lựa chọn nghề, du học nước ngoài cho phù hợp với năng lực, sở thích và nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn luôn được UBND huyện quan tâm. Kết quả từ năm 2012 đến năm 2022 mở được 115 lớp với 3.801 người, số người có việc làm sau đào tạo nghề 3.187 người, số người có việc làm mới là 31.034 người. Số người có việc làm mới trong năm 2021 là 3735 người,

ngày 26/02/2022; Quyết định số 251/QĐ-UBND; Quyết định số 257/QĐ; Kế hoạch số 81/KH-BCĐ ngày 11/02/2022; Kế hoạch số 2103/KH-BCĐ; Thông báo số 55/TB-BCĐ ngày 22/02/2022; Công văn số 2475/HD-UBND; Công văn số 2474/HD-UBND; Kế hoạch số 2682/KH-UBND; Kế hoạch số 2683 /KH-UBND; Quyết định số 4873/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Bảo về việc thành lập đoàn kiểm tra đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã năm 2022; Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về việc kiểm tra đánh giá, xếp loại "Đơn vị học tập năm 2022.

¹¹ Vì vậy tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS ngày càng cao. Năm 2012 đạt 6,99 %, năm 2016 đạt 9,07%, năm 2020 đạt 10,36%, năm 2021 đạt 12.61%, năm 2022 là 10.5%. Số học sinh sau tốt nghiệp THPT hàng năm vào các trường cao đẳng, học nghề học nghề trên 30%.

¹² Trung tâm giáo dục nghề nghiệp của huyện có diện tích 7942 m² với 1 nhà 3 tầng 4 phòng học, 1 dãy nhà 2 tầng 5 phòng học, 8 phòng thực hành với tổng vốn đầu tư là 29, 558 tỷ đồng đáp ứng được yêu cầu dạy nghề cho học sinh và người lao động từ năm 2012.

năm 2022 là 3.806 người. Kinh phí đầu tư cho đào tạo nghề giai đoạn 2012-2020 tổng kinh phí chi là 45,3 tỷ đồng.

Về công tác xã hội hóa giáo dục, UBND huyện chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, thị trấn, các cơ sở giáo dục tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục theo Đề án xã hội hóa giáo dục và đào tạo giai đoạn 2013-2016, định hướng đến năm 2020. Trong đó, chú trọng xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong mọi hoạt động giáo dục và đào tạo. Từ đó đã góp phần nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh và các tầng lớp nhân dân về đổi mới giáo dục và đào tạo; phát huy vai trò, trách nhiệm và huy động được nhiều và đa dạng các nguồn lực xã hội để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng việc giáo dục toàn diện học sinh. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và người dân đầu tư phát triển các loại hình giáo dục ngoài công lập chất lượng cao¹³. Kết quả, tổng kinh phí từ nguồn xã hội hóa giáo dục của các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, phụ huynh học sinh trong toàn huyện năm từ năm 2013 đến năm 2022 là 86,511 tỷ đồng.

Công tác Khuyến học, khuyến tài đã trở thành cuộc vận động lớn, được đông đảo cán bộ và nhân dân trong huyện tích cực hưởng ứng góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển giáo dục, văn hóa, xã hội của huyện. Hằng năm, UBND huyện đã rất quan tâm động viên khen thưởng giáo viên và học sinh có thành tích cao trong các kỳ thi chọn HSG cấp thành phố, cấp quốc gia, học sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT cấp quốc gia từ năm 2013 đến nay với tổng số tiền 2,201 tỷ đồng được trích từ nguồn quỹ khuyến học huyện.

2.5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

UBND huyện đã chỉ đạo ngành giáo dục tổ chức cho các nhà trường quán triệt đầy đủ chủ trương, chức năng nhiệm vụ của từng chức danh quản lý theo quy định. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện tốt kỷ cương nề nếp, không còn tình trạng thực hiện sai chức năng nhiệm vụ, thủ trưởng cơ quan tự chịu trách nhiệm trong điều hành công việc. Đồng thời tăng cường quản lý chặt chẽ các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài; các trung tâm dạy liên kết Tiếng Anh, kỹ năng sống, Tin học nhất là các cơ sở có liên kết thuê giáo viên nước ngoài dạy Tiếng Anh trên địa bàn huyện¹⁴.

- Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, thực hiện dân chủ trong trường học, 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện đã tích cực ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, sử dụng công nghệ, các trang thiết bị hiện đại trong hệ thống ngành giáo dục trên địa bàn huyện được triển khai kịp thời, các cơ sở giáo dục ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý

(13) Hiện đã có 10 nhóm trẻ mầm non tư thục được cấp phép hoạt động trên địa bàn huyện.

¹⁴ Hiện trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo có 05 Trung tâm ngoại ngữ Toàn lược, Globaledu, E conect, English for all, ASV); 02 Trung tâm kỹ năng sống: 2 (Ánh dương, Phương Mai); 02 Trung tâm tin học: 2 (wingsup, nghiên cứu ứng dụng chuyên giao công nghệ) đang hoạt động trên địa bàn huyện.

dạy học, quản lý đội ngũ, quản lý kết quả học tập của học sinh, quản lý học sinh thông qua tin nhắn giữa nhà trường và phụ huynh bằng số liên lạc điện tử, quản lý thư viện và tài chính... 100% các đơn vị đã hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đào tạo. Thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, từng bước triển khai chữ ký số đến với đội ngũ các bộ quản lý, giáo viên của các trường; thực hiện công văn đi, đến giữa các cơ sở giáo dục bằng thư điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, dạy học trực tuyến; phấn đấu 100% cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh THCS tham gia trang mạng trường học kết nối, thư viện số, ...

Các nhà trường đã thực hiện tốt việc phân cấp quản lý trong giáo dục, được tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với từng cơ sở. Trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, Phòng GD&ĐT và các trường THCS, THPT được tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi tham gia các kỳ thi, kỳ giao lưu học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố, quốc gia. Sau kỳ thi chọn học sinh giỏi huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo lựa chọn những học sinh có kết quả cao vào đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố để tiến hành tập huấn bồi dưỡng học sinh giỏi phù hợp với đặc thù từng bộ môn, đảm bảo nâng cao chất lượng mũi nhọn, nâng cao chất lượng học sinh giỏi lớp 9, lớp 12 (*Tham khảo chú thích 5, trang 6*).

Các trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, phân công trách nhiệm cho từng thành viên, công tác lãnh đạo quản lý luôn được coi trọng đã phát huy tốt tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Các cơ sở giáo dục đã xây dựng và triển khai nghiêm túc Quy chế dân chủ trong nhà trường, thực hiện tốt 3 công khai trong giáo dục. Đồng thời thực hiện nghiêm quản lý các khoản tài trợ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; quản lý việc dạy thêm, học thêm theo quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố; Công văn số 146/SGDDĐT-TrH ngày 14/02/2017 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về công tác dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp được tăng cường, hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Phòng giáo dục Đào tạo phối hợp tốt với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thanh tra huyện thường xuyên thực hiện việc kiểm tra việc thực hiện các khoản thu, chi trong và ngoài ngân sách trong các cơ sở giáo dục, trên cơ sở đó tư vấn, rút kinh nghiệm cho các đơn vị trong việc thực hiện nghiêm túc việc thu và quản lý sử dụng các nguồn thu của nhà trường đúng theo các quy định của Nhà nước. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong các cơ sở giáo dục; thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra giám sát của ban Kinh tế-xã hội Hội đồng Nhân dân huyện góp phần tăng cường hiệu quả việc thực hiện đổi mới căn bản công tác quản lý giáo

dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất¹⁵.

2.6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm tới việc xây dựng, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục và coi đây là khâu then chốt trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo bằng việc ban hành nhiều chủ trương, chính sách để quản lý, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và Nhà giáo như quy định các tiêu chuẩn, quyền và nhiệm vụ nhà giáo, công tác tuyển dụng, sử dụng và bổ nhiệm, các chính sách về quy hoạch, đào tạo, đãi ngộ tôn vinh Nhà giáo... Chính những chủ trương chính sách đó đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ Nhà giáo bước đầu đã đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội của huyện, thành phố và đất nước.

Về công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, giáo viên, đào tạo bồi dưỡng đạt chuẩn và nâng chuẩn, UBND huyện đã ban hành nhiều Đề án, kế hoạch để tổ chức cử cán bộ giáo viên tham gia các lớp học bồi dưỡng, đào tạo nâng chuẩn và đạt chuẩn cho cán bộ và giáo viên¹⁶. Đồng thời, Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng với các trường tổ chức mời giáo sư Nguyễn Minh Thuyết, tổng chủ biên Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chuyên gia đầu ngành về bồi dưỡng cho các bộ quản lý, giáo viên về thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018, mời các Giáo sư, Tiến sĩ của trường Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội về tập huấn cho đội ngũ giáo viên cốt cán trong công tác đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, diễn giả Hạnh Nguyễn về truyền cảm hứng cho cán bộ quản lý, giáo viên của các trường MN, TH, THCS trong toàn huyện. Kết quả đến nay tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo huyện có 2.676 người. Trong đó Phòng Giáo dục và Đào tạo: 08; Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện là 2668 người¹⁷. Về trình độ

¹⁵ Tháng 4 /2023, Đoàn kiểm tra giám sát của ban Kinh tế - Xã hội và Hội đồng Nhân dân huyện kiểm tra, giám sát tại trường MN Giang Biên, Nhân Hòa, TH Thị Trấn, TH Vĩnh Tiến Cổ Am, THCS Lý Học - Liên Am, THCS Trung Lập.

¹⁶ Kế hoạch 679/KH-UBND ngày 22/3/2019 của UBND huyện về việc triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Bảo giai đoạn 2018-2025; Kế hoạch số 1367/KH-UBND, ngày 03/7/2018 của UBND huyện về phát triển giáo dục phổ thông và mầm non huyện Vĩnh Bảo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1132/KH-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện Vĩnh Bảo về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 1131/KH-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg, ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo; Kế hoạch số 1092/KH-UBND ngày 4/6/2018 của UBND huyện về việc tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo đến năm 2020; Đề án số 2568/ĐA-UBND của UBND huyện về nâng cao chất lượng GDĐT, góp phần phát triển nguồn nhân lực có chất lượng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

¹⁷ Bậc học Mầm non: 87 cán bộ quản lý, 589 giáo viên và 246 nhân viên; cấp Tiểu học: 54 cán bộ quản lý, 627 giáo viên và 26 nhân viên; cấp Trung học cơ sở: 43 cán bộ quản lý, 491 giáo viên và 34 nhân viên; cấp THPT: 16 cán bộ quản lý, 282 giáo viên và 34 nhân viên; Trung tâm GDNN-GDTX: 03 cán bộ quản lý, 27 giáo viên và 02 nhân viên;

đào tạo của cán bộ quản lý trên chuẩn 6.5%, đạt chuẩn là 93.5%. Về trình độ giáo viên, trên chuẩn là 30.3%, đạt chuẩn là 63.3%, dưới chuẩn là 6.4% (140 giáo viên). Trong số giáo viên không đạt chuẩn có 55 giáo viên đã đăng ký đi học và đang đi học nâng chuẩn, số còn lại là giáo viên cao tuổi không thuộc diện đi học nâng chuẩn và không có nhu cầu học nâng chuẩn. 100% giáo viên các trường TH, THCS, THPT đã tham gia đầy đủ các lớp học bồi dưỡng Modun 1,2,3,4 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời thực hiện nghiêm túc các quy định về chế độ chính sách ưu đãi, chế độ nghỉ hưu và chính sách ưu đãi tiền lương, đối với cán bộ quản lý và giáo viên theo đúng quy định của pháp luật. Hàng năm, UBND huyện tổ chức động viên, khen thưởng cho cán bộ quản lý, giáo viên có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong các Hội nghị sơ kết, tổng kết năm học.

2.7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

Thực hiện tốt việc phổ biến, tuyên truyền các văn bản, hướng dẫn; các chương trình, đề án, hoạt động đổi mới chính sách, cơ chế tài chính của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo như chế độ ưu tiên, học bổng, hỗ trợ tài chính cho các đối tượng chính sách; đồng thời huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội và việc nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được về đổi mới chính sách cơ chế, tài chính cho giáo dục. Kết quả cụ thể. Tổng chi ngân sách cho giáo dục hàng năm luôn đạt 20% tổng chi ngân sách; thực hiện hiệu quả đầu tư các chương trình, đề án trọng điểm phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp; đặc biệt là ưu tiên sửa chữa, xây mới các công trình trường học từ nguồn vốn sự nghiệp, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2020-2025. Tổng số tiền xã hội hóa giáo dục từ năm 2013 đến năm 2022 là 79,018 tỷ đồng¹⁸. Để đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng giáo dục và đào tạo đối với những học sinh và giáo viên có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Huyện đoàn, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Hội Chữ thập đỏ đã huy động từ ngân sách Nhà nước, các doanh nghiệp, nhà hảo tâm huy động hàng trăm triệu đồng để thăm hỏi, tặng quà cho giáo viên và học sinh có hoàn cảnh khó khăn¹⁹.

Kết quả trong những năm qua, nhiều chương trình, dự án đã được triển khai trên địa bàn huyện, đặc biệt là Chương trình nông thôn mới kiểu mẫu là điều kiện thuận lợi đầu tư sửa chữa, xây mới các công trình, các phòng học, phòng chức năng nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục²⁰. Công tác kiểm

¹⁸ Trong đó bậc MN là 18.381, cấp TH 36.503 triệu đồng, Cấp THCS là 24.134 triệu đồng.

¹⁹ Năm 2021, Công đoàn Sở giáo dục và Phòng Giáo dục và đào tạo huyện đã tặng 500 máy tính bảng và sim 4G cho các em học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

²⁰ Tổng mức đầu tư sửa chữa các công trình trường học được huy động từ nguồn vốn sự nghiệp, đầu tư công, nguồn vốn Chương trình nông thôn mới kiểu mẫu từ năm 2013 đến tháng 3 năm 2022 là 1.127.846.000.000 đồng (Bằng chữ Một nghìn một trăm hai mươi bảy tỷ, tám trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia được HU, HĐND, UBND huyện quan tâm và được thực hiện gắn liền với mục tiêu Chương trình nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu. Trong đó tập trung đầu tư xây dựng các phòng học, phòng chức năng, mở rộng diện tích theo hướng chuẩn quốc gia gắn liền với mục tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới. 3 năm liền (Năm 2018, 2019, 2020) huyện Vĩnh Bảo luôn đứng đầu thành phố về số lượng trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Năm 2022 đầu tư công với 42,3 tỷ đồng cho 06 trường (MN Giang Biên, MN 20/8, MN Thắng Thủy, MN Đồng Minh, THCS Cộng Hiền, THCS Tiên Phòng-Vĩnh Phong. Đặc biệt là 09 xã như Liên Am, Tam Đa, Lý Học, Nhân Hòa, Vĩnh Phong, Hiệp Hòa, Tân Hưng, Hoà Bình, Vĩnh Long mỗi xã được đầu tư 125 tỷ đồng tập trung vào các hạng mục đường giao thông, trường học, môi trường, văn hoá, y tế. Đến nay số trường học đạt chuẩn quốc gia của toàn huyện là 73/83 đạt tỷ lệ 87,95%, phân đầu đến năm 2025 là 100% các trường đã đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 20% trường đạt chuẩn mức độ 2.

2.8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

Hằng năm, Phòng Kinh tế-Hạ tầng cùng với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản, hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giáo viên ngành giáo dục tham gia viết đề tài nghiên cứu khoa học; trong đó khuyến khích, động viên cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học; hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế, sáng kiến trong các cokieensgiaso dục và đào tạo. Kết quả phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm, ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm trong công tác quản lý, giảng dạy và đổi mới các hoạt động giáo dục toàn huyện đã trở thành một phong trào sâu rộng trong các nhà trường. Cụ thể, từ năm 2013 đến nay đã có 6.688 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận và áp dụng ở cấp huyện, trong đó có nhiều sáng kiến được áp dụng cấp thành phố. Năm học 2022-2023 toàn huyện có 620 cán bộ giáo viên tham gia viết sáng kiến, có 543 sáng kiến được công nhận cấp huyện, trong đó có 21 sáng kiến được gửi cấp thành phố thẩm định.

Về việc thực hiện chủ trương nghiên cứu khoa học trong giáo viên và học sinh, căn cứ các văn bản chỉ đạo của các cấp, ngay từ năm 2019, UBND huyện đã giao Phòng Giáo dục và Đào tạo mời chuyên gia tập huấn nội dung nghiên cứu khoa học và giáo dục STEM cho tất cả cán bộ quản lý các trường MN, TH, THCS giáo viên cốt cán các bộ môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ. Đồng thời phát động phong trào nghiên cứu khoa học và tham gia các Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp huyện, cấp thành phố đến toàn thể giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh; trong đó yêu cầu các đơn vị phân công giáo viên và khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật và vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn; gắn hoạt động nghiên cứu KHKT của học sinh với đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; đồng thời từng bước phát triển câu lạc bộ KHKT trong nhà trường tạo môi trường cho học sinh nghiên cứu, chia sẻ kiến thức, kỹ năng và các sản phẩm KHKT; giúp đỡ học sinh trong việc tiếp cận và vận dụng

phương pháp nghiên cứu KHKT và sản phẩm KHKT vào thực tiễn đời sống. Đối với giáo dục STEM trong nhà trường, Phòng GD&ĐT đã hướng dẫn các đơn vị triển khai dạy học STEM ở những môn học liên quan gắn kết với việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đặc biệt là yêu cầu các đơn vị xây dựng các chủ đề giáo dục STEM trong kế hoạch của các môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên như môn Toán, môn Vật lý, môn Hóa học, môn Sinh học, môn Công nghệ và môn Tin học. Đồng thời yêu cầu giáo viên thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng bài học STEM.

Kết quả: nhiều đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch và động viên giáo viên khuyến khích giáo viên và học sinh tích cực tham gia Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học như THCS Thăng Thủy-Vĩnh Long, Nhân Hòa-Tam Đa, Trung Lập, Tiên Phong-Vĩnh Phong, Vinh Quang-Thanh Lương Trải qua 4 năm phát động toàn huyện đã có 470 sản phẩm tham gia Cuộc thi KHKT cấp huyện, có 299 sản phẩm đạt giải; cấp thành phố có 16 trường tham gia với 17 sản phẩm, có 12 sản phẩm đạt giải. Cụ thể:

Năm học	Cấp huyện			Cấp thành phố		
	Số trường tham gia	Tổng số dự án TG	Số dự án đạt giải	Số trường tham gia	Tổng số dự án TG	Số dự án đạt giải
2019-2020	21/23	83	58	4	4	4
2020-2021	22/23	126	75	4	5	4
2021-2022	23/23	125	79	4	4	3
2022-2023	22/22	136	87	4	4	1
TỔNG	22	470	299	16	17	12

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp luôn được quan tâm, được cụ thể hóa trong chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm học. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên trong ngành đã có nhiều chuyển biến tích cực cả về nhận thức và hành động. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên yên tâm, nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác, chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các cấp học đã tích cực đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất năng lực người học. Chất lượng giáo dục nâng lên ở các cấp học, chất lượng đại trà được nâng lên, đặc biệt là chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên, công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi được quan tâm, số lượng, chất lượng giải học sinh giỏi thành phố, quốc gia

chuyên môn tốt; phong trào giáo dục-đào tạo của huyện được duy trì trong top đầu của thành phố. Công tác xã hội hóa đã được các tổ chức, cá nhân, phụ huynh học sinh quan tâm đầu tư cho các nhà trường. Số trường học đạt chuẩn quốc gia, Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn ngày càng tăng góp phần tích cực vào chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện do Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã đề ra.

IV. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại hạn chế.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền một số địa phương nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng của Nghị quyết. Việc chỉ đạo xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia của một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức.

- Việc đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá còn chậm, chất lượng đại trà còn thiếu bền vững, công tác phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT còn hạn chế.

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên không chỉ thiếu ở tất cả các cấp học mà còn tồn tại nhiều bất cập, nhất là một số bộ môn học mới như môn Tin học đối với cấp tiểu học, môn Khoa học Tự nhiên cấp THCS, nên việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, còn gặp nhiều khó khăn như môn Tin học lớp 3, môn Khoa học tự nhiên, môn Lịch sử - Địa lý, môn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đối với cấp THCS, môn Mỹ thuật, Âm nhạc với cấp THPT²¹. Do chưa có những cơ chế động viên khuyến khích đủ mạnh nên hằng năm một số giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng chuyển ra các quận trong thành phố.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo năng lực phẩm chất học sinh vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế.

- Chất lượng giải học sinh giỏi ở một số môn, đặc biệt chất lượng bộ môn tiếng Anh chưa cao; chưa phát huy được truyền thống hiếu học của quê hương; việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề chưa được các đơn vị quan tâm đúng mức. Công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế còn tồn tại nhiều hạn chế.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

3.1. Về khách quan:

- Các chính sách tiền lương của Nhà nước mặc dù đã được quan tâm nhưng còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với vị trí, vai trò của nhà giáo; chưa tạo

²¹ Năm học 2022-2023 toàn huyện có 1417 giáo viên, trong đó nhu cầu cần là 1667 giáo viên; thiếu 250 giáo viên. Trong đó cấp TH thiếu 107 giáo viên, cấp THCS thiếu 58 giáo viên, cấp THPT thiếu 06 giáo viên; GDTX thiếu 21 giáo viên

động lực để nhà giáo gắn bó với nghề; thiếu cơ chế để thu hút người giỏi thi tuyển vào ngành sư phạm và tham gia tuyển dụng nhà giáo nên một số môn học, cấp học còn xảy ra tình trạng thiếu nguồn để tuyển dụng.

- Số lượng học sinh trong những năm gần đây tăng nhanh gây sức ép đến đội ngũ và cơ sở vật chất của các trường học. Đặc biệt là cơ chế, chính sách về giáo dục và đào tạo cả về quản lý biên chế, đãi ngộ chậm, chưa tạo động lực để nhà giáo gắn bó với nghề chưa nên đội ngũ giáo viên hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của đổi mới giáo dục của huyện nhà cũng như của thành phố.

- Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT hàng năm còn nhiều bất cập gây khó khăn cho công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS. Việc tuyển dụng, hợp đồng lao động của huyện nhà trong những năm qua gặp rất nhiều khó khăn do chỉ tiêu tuyển viên chức MN, TH và THCS của thành phố chưa sát với sự gia tăng số lớp của từng năm học, đặc biệt là cấp tiểu học không có nguồn tuyển dụng.

- Yêu cầu thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đòi hỏi nhiều về điều kiện để thực hiện, trong khi cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên, nhân viên còn thiếu. Đặc biệt, hầu hết đội ngũ giáo viên hiện nay được đào tạo để thực hiện chương trình cũ nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với nhiều môn học mới.

3.2. Chủ quan

- Vai trò, trách nhiệm của một số cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể địa phương chưa được chú trọng. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thiếu sự quyết liệt. Việc triển khai thực hiện nghị quyết và đề án, các đơn vị chưa chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện;

- Công tác sắp xếp, bố trí đội ngũ đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu còn gặp nhiều khó khăn. Một số cán bộ quản lý và giáo viên năng lực tự học, tự bồi dưỡng còn hạn chế, trách nhiệm thực hiện công vụ chưa cao;

- Trong quá trình thực hiện nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục một số đơn vị còn lúng túng, nhất là đổi mới về nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá học sinh chưa có sự thống nhất cao và thiếu ổn định;

- Năng lực quản lý của một số cán bộ quản lý còn hạn chế, chưa thực sự quyết liệt trong đổi mới nội dung chương trình, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá học sinh.

V. MỘT SỐ MÔ HÌNH HAY VÀ CÁC LÀM HIỆU QUẢ

Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW nhiều mô hình mới, cách làm hay đã mang lại những hiệu quả lớn, góp phần không nhỏ trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn tạo điều kiện thuận

lợi cho học sinh phát triển năng lực, phẩm chất và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện như:

- Mô hình công trường an toàn của trường THPT Tô Hiệu
- Mô hình trường học xanh, sạch, an toàn: MN Nhân Hòa, MN Vinh Quang, MN An Hòa;
- Mô hình thư viện xanh của các trường TH: Hiệp Hòa, Hùng Tiến, Tân Liên;
- Cách làm hiệu quả trong công tác bồi dưỡng ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT của trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, THCS Tam Cường;
- Cách làm hiệu quả trong công tác tuyên truyền phát thanh của trường THCS Nhân Hòa-Tam Đa;
- Cách làm hay, hiệu quả trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, THPT Vĩnh Bảo, THPT Nguyễn Bình Khiêm;
- Cách làm hay, hiệu quả trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng của trường MN Vinh Quang, MN Tân Liên, TH Tân Liên, TH Hoà Bình, THCS Vĩnh An, THCS Dũng Tiến, TH&THCS Hưng Nhân...

VI. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Qua việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng giai đoạn 2013-2023 và thực tiễn triển khai, thực hiện nhiệm vụ của giáo dục đào tạo của huyện nhà, chúng ta rút ra một số kinh nghiệm:

1. Việc quán triệt quan điểm, đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo phải phù hợp với tình hình thực tiễn; các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch định hướng phát triển giáo dục của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện cần được các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc, được xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, khả thi, sát hợp với điều kiện của từng địa phương, đơn vị; phải lường trước được những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là những diễn biến phức tạp của thiên tai, dịch bệnh; đồng thời, phải tăng cường kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục ở các địa phương.

2. Xác định đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên là lực lượng quyết định đến chất lượng giáo dục-đào tạo. Do đó nhiệm vụ quan trọng, then chốt là tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đào tạo lại gắn với kiểm tra đánh giá viên chức, chuẩn nghề nghiệp một cách nghiêm túc, thực chất và dân chủ, công khai. Thực hiện có hiệu quả triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 gắn với việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phát triển năng lực phẩm chất người học; chú trọng vận dụng kiến thức vào thực tiễn góp phần nâng cao chất

lượng giáo dục toàn diện, thực học, thực nghiệp. Đổi mới mạnh mẽ công tác thi đua khen thưởng, xây dựng cơ chế động viên, khen thưởng kịp thời, tạo động lực, phong trào thi đua trong các trường học.

3. Cần làm tốt công tác dự báo về quy mô phát triển giáo dục của huyện để quy hoạch và thực hiện công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp và cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia bền vững. Thực hiện mục tiêu quốc gia về nông thôn mới cần ưu tiên hàng đầu cho đầu tư cơ sở vật chất trường học; thực hiện tốt công tác vận động tuyên truyền để huy động các nguồn lực xã hội thông qua cơ chế xã hội hóa giáo dục có hiệu quả.

4. Cần tập trung, đổi mới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với giáo dục, tăng cường phân cấp quản lý, đề cao tinh tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở; đồng thời tăng cường và đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra giáo dục; đổi mới và nâng cao hiệu quả quản trị trong các cơ sở giáo dục; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động dạy học trong nhà trường.

PHẦN THỨ HAI

Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW trong thời gian tới

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Toàn cầu hóa đang là xu thế khách quan, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển nhanh tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực của đời sống xã hội; Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương, khóa XI” và Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đang tạo thế và lực cho thành phố Hải Phòng phát triển mạnh mẽ, trở thành thành phố Cảng xanh, văn minh, hiện đại. Cùng với sự phát triển đất nước và thành phố, huyện Vĩnh Bảo sẽ có những bước phát triển mới về kinh tế-xã hội với nhiều dự án được quy hoạch mở rộng về không gian, diện tích; chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đã mở ra nhiều cơ hội để phát triển giáo dục-đào tạo. Bên cạnh những thuận lợi trên, chúng ta nhận thấy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, trong khi nguồn lực đầu tư cho giáo dục của Nhà nước còn hạn chế; sự hội nhập quốc tế và sự phát triển của kinh tế thị trường đang làm nảy sinh nhiều nguy cơ tiềm ẩn như sự thâm nhập lối sống không lành mạnh, làm lu mờ bản sắc văn hóa dân tộc; sự gia tăng dân số, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên còn thiếu, dịch bệnh đã và đang đặt ra những thách thức trong quá trình đổi mới đổi mới giáo dục, đòi hỏi phải có những chủ trương, giải pháp thiết thực, hiệu quả để xây dựng phát triển giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập quốc tế, thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 29-NQ/TW về “*Đổi mới căn bản,*

toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"; Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 10/12/2021 của Đảng bộ huyện, Đề án số 2568/ĐA-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030.

II. PHƯƠNG HƯỚNG

- Tăng cường sự lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức Đảng; hiệu lực, hiệu quả của các cấp chính quyền; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng tham gia vào hoạt động giáo dục đảm bảo tính đồng bộ, khả thi về điều kiện, nguồn lực trong phát triển giáo dục và đào tạo của huyện.

- Chú trọng đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố Hải Phòng và đất nước.

- Tập trung huy động tổng hợp các nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng ở các bậc học, ngành học. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học theo hướng hiện đại, đồng bộ. Phát triển quy mô giáo dục hợp lý theo quy hoạch, cân đối về quy mô, loại hình trường, lớp, từng bước phát triển giáo dục ngoài công lập.

- Xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn, có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Triển khai và thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, chú trọng hiệu quả giáo dục đạo đức, kỹ năng sống; thực hiện tốt Chương trình đào tạo nghề cho lao động, phát triển hệ thống giáo dục khởi nghiệp, hướng nghiệp, xây dựng xã hội học tập, hội nhập.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành, đoàn thể với ngành Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW trong toàn ngành giáo dục - đào tạo và nhân dân toàn huyện đề giáo dục và đào tạo thực sự là quốc sách hàng đầu. Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; phối hợp tốt giữa gia đình và nhà trường, các tổ chức và địa phương trong việc giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và người dân.

Đổi mới công tác thông tin, truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia đánh giá, giám sát, phản biện của toàn xã hội đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển giáo dục. Thực hiện việc công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, cấp học. Thường xuyên tuyên truyền và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong ngành giáo dục.

3. Đổi mới công tác quản lý.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của người đứng đầu, coi trọng quản lý chất lượng, chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học hàng năm phù hợp. Đổi mới mạnh mẽ và động bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục và đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất năng lực người học. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng là công cụ để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra ở các cấp học. Đổi mới công tác thi đua khen thưởng, đẩy mạnh phong trào thi đua phù hợp với từng đối tượng.

4. Sắp xếp và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đảm bảo đủ về số lượng, vững về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa mới. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học, bậc học về trình độ đào tạo. Cán bộ quản lý giáo dục phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý và lý luận chính trị theo quy định. Phần đầu đến năm 2025, 100% giáo viên các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT có trình độ đào tạo đạt chuẩn, đến năm 2030, 100% giáo viên mầm non có trình độ trên chuẩn (đại học), có từ 8-10% giáo viên TH, THCS có trình độ trên chuẩn (thạc sĩ); có từ 30-35% giáo viên THPT có trình độ trên chuẩn.

Phát triển lực lượng cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục có tầm nhìn và năng lực thích ứng đổi mới giáo dục hiện nay, tận tâm, có năng lực điều hành; phối hợp xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và đặc thù của địa phương; khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ, có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý có năng lực, có nhiều cống hiến và có trình độ cao. Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, trên

cơ sở đánh giá năng lực đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác.

Tiếp tục triển khai công tác đánh giá chuẩn cán bộ quản lý, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra công tác bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực tin học và ngoại ngữ cho đội ngũ nhà giáo; triển khai công tác rà soát, sắp xếp, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đúng quy định.

5. Quy hoạch, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương (khóa XII) về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 3712/BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn huyện. Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND thành phố Hải Phòng và Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các sở, ngành, phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố theo quy định của Chính phủ. Việc tổ chức sắp xếp lại các cơ sở giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông liên xã phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương; rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học; từng bước chuyển đổi mô hình các cơ sở giáo dục mầm non, trung học phổ thông từ công lập ra ngoài công lập ở những nơi có điều kiện và khả năng xã hội hóa cao.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa và tăng cường tự chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Cấp ủy Đảng và chính quyền, các ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tập thể cá nhân, doanh nghiệp và nhân dân chăm lo đầu tư, hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các nhà trường đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia ở các bậc học trong toàn huyện. Quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội hóa.

7. Tiếp tục đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

- Phát triển giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp nhằm tạo cơ hội cho mọi người có thể học tập suốt đời, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mình; bước đầu hình thành xã hội học tập. Nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên giúp người học có kiến thức, kỹ năng thiết thực để tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi nghề nghiệp. Tổ chức tư vấn nghề nghiệp cho học sinh cuối cấp, tuyên truyền, giới thiệu tuyển sinh cho học sinh THCS và THPT vào kỳ cuối năm học. Thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng nghiệp ở bậc THCS, xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp sử dụng lao động trên địa bàn. Đẩy mạnh việc tổ chức tư vấn hướng nghiệp và cho học sinh đi tham quan thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh để học sinh hiểu rõ hơn

về từng nghề nghiệp; duy trì và củng cố bền vững kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm có hướng dẫn cụ thể cho ngành giáo dục trong việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng (khóa XII) về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục quan tâm có cơ chế chính sách ưu tiên về chế độ tiền lương cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhất là chế độ hỗ trợ cho giáo viên, nhân viên mầm non.

2. Đề nghị HĐND, UBND thành phố quan tâm, chỉ đạo cho các Sở, Ngành của thành phố sớm xây dựng những chủ trương về cơ chế, chính sách về nguồn tài chính, quản lý biên chế, tuyển dụng cho phù hợp đối với ngành giáo dục và đào tạo để đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục theo Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; đồng thời bổ sung nguồn ngân sách cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn các quận/huyện để mua sắm các danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo các thông tư quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo. Tăng cường đầu tư nguồn kinh phí chương trình mục tiêu hằng năm và tăng biên chế về đội ngũ giáo viên, đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp theo đúng quy định; đồng thời sớm có văn bản chỉ đạo việc sắp xếp, sáp nhập các cơ sở giáo dục của các quận/huyện gắn liền với việc tổ chức sắp xếp các đơn vị hành chính.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TTW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” của UBND huyện báo cáo Thường trực Huyện ủy đề tổng hợp/.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- CT HĐND, UBND huyện;
- Các Phó CT HĐND, UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Lân

PHỤ LỤC 1
THỐNG KÊ HỆ THỐNG VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH CẤP HUYỆN
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

TT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm	Đơn vị ban hành	Trích yếu văn bản
I	Huyện ủy, HĐND, UBND				
1	Chương trình HĐ	54-CTr/HU	08/5/2018	BTV Huyện ủy	Thực hiện Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 09/01/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy ...
2	Kết luận	07/KL/HU	29/12/2017	BTV Huyện ủy	Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 15/8/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIV và Đề án 579/ĐA-UBND về đẩy mạnh phát triển giáo dục phổ thông huyện Vĩnh Bảo giai đoạn 2012-2020.
3	Nghị quyết	01-NQ/ĐH	28/7/2020	BCH ĐB huyện	Nghị quyết Đại hội lần thứ XXVI Đảng bộ huyện Vĩnh Bảo nhiệm kì 2020-2025;
4.	Nghị quyết	05-NQ/HU	10/12/2021	BCH ĐB huyện	Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030
5	Nghị quyết	08-NQ/HĐND	27/7/2018	HĐND	Kế hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
6	Kế hoạch	55/KH-UBND	13/1/2017	UBND	Thực hiện Kết luận 20-KL/TU ngày 12/3/2015 của Ban thường vụ Thành ủy sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TU ngày 03/12/2009 của Ban Thường vụ Thành ủy phát triển GDMN huyện Vĩnh Bảo đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;
7	Kế hoạch	1367/KH-UBND	03/7/2018	UBND	Phát triển giáo dục phổ thông và mầm non huyện Vĩnh Bảo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
8	Kế hoạch	1092/KH-UBND	4/6/2018	UBND	Về việc tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo đến năm 2020.
9	Kế hoạch	679/UBND	22/3/2019	UBND	Về việc triển khai thực hiện đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo

					đục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Bảo giai đoạn 2018-2025;
10	Kế hoạch	1132/KH-UBND	15/5/2019	UBND	Về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện;
11	Kế hoạch	1131/KH-UBND	15/5/2019	UBND	Về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018–2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo
12	Kế hoạch	1133/KH-UBND	15/5/2019	UBND	Về việc xây dựng và phát triển Trường THCS Tam Cường giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030,
13	Kế hoạch	<i>2361/KH-UBND</i>	18/8/2020	UBND	Xây dựng và phát triển giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025
14	Đề án	2568/ĐA-UBND		UBND	Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030
15	Kế hoạch	1574/KH-UBND	27/7/2022	UBND	Về việc triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các Phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện;
16	Đề án	1872/ĐA-UBND	29/8/2022	UBND	Về sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo năm 2022.
II	Các ngành				
1.	Hướng dẫn nhiệm vụ năm học, kế hoạch			Phòng giáo dục	- Các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học các cấp học MN, TH, THCS từ năm 2013-2014 đến năm học 2022-2023

PHỤ LỤC 2
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON GIAI ĐOẠN 2013 - 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	9254	0	31	0	304	204	624	624
2014	9312	0	31	0	310	207	671	671
2015	9878	0	31	0	315	223	720	720
2016	10511	0	31	0	349	278	762	762
2017	11438	0	31	0	350	282	748	748
2018	11724	0	31	0	372	312	766	766
2019	11327	0	31	0	373	331	711	570
2020	11123	0	31	0	375	370	708	611
2021	11492	0	31	0	380	376	697	637
2022	10943	0	31	0	380	380	708	663

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học MN; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường MN; (4). Số trường MN ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học MN; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên MN; (8). Số giáo viên MN đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 3
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2013 - 2023
 Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	11662	507	29	0	417	403	639	604
2014	12173	543	29	0	431	428	629	595
2015	12828	558	29	0	452	449	637	602
2016	13647	602	29	0	467	457	642	608
2017	14329	532	29	0	479	479	636	598
2018	15049	603	29	0	507	507	639	603
2019	15643	604	29	0	518	518	654	597
2020	16298	576	29	0	533	529	665	588
2021	16875	546	29	0	541	537	661	602
2022	16755	582	29	0	547	541	641	607

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học TH; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường TH; (4). Số trường TH ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học TH; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên TH; (8). Số giáo viên TH đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 4
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THCS GIAI ĐOẠN 2013 - 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	8669	596	23	0	228	228	391	356
2014	8792	588	23	0	231	231	397	363
2015	8612	628	23	0	226	226	389	350
2016	8965	595	23	0	235	235	404	379
2017	9125	549	23	0	240	240	412	414
2018	9975	564	23	0	262	262	450	423
2019	10058	457	23	0	263	263	454	425
2020	10590	402	23	0	276	276	478	452
2021	11224	388	23	0	282	282	507	502
2022	11522	464	23	0	297	297	516	505

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THCS; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THCS; (4). Số trường THCS ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THCS; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THCS; (8). Số giáo viên THCS đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 5
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THPT GIAI ĐOẠN 2013 - 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	6363	283	5	0	150	150	358	358
2014	5840	262	5	0	150	150	349	349
2015	5546	273	5	0	152	152	346	346
2016	5393	232	5	0	151	151	341	341
2017	5378	191	5	0	152	152	322	322
2018	5288	193	5	0	152	152	314	314
2019	5542	215	5	0	153	153	307	307
2020	5463	184	5	0	153	153	294	294
2021	5606	164	5	0	155	155	294	294
2022	5626	157	5	0	155	155	295	295

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THPT; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THPT; (4). Số trường THPT ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THPT; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THPT; (8). Số giáo viên THPT đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 6
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2013 - 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Sinh viên		Cơ sở vật chất				Giảng viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	155	155	1	0	0	0	3	3
2014	375	375	1	0	0	0	3	3
2015	426	426	1	0	0	0	3	3
2016	375	375	1	0	0	0	3	3
2017	318	318	1	0	0	0	3	3
2018	293	293	1	0	0	0	3	3
2019	327	327	1	0	0	0	3	3
2020	476	476	1	0	0	0	3	3
2021	572	572	1	0	0	0	3	3
2022	688	688	1	0	0	0	3	3

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học nghề; (2). Số sinh viên theo học nghề sau tốt nghiệp THCS; (3). Tổng số cơ sở GDNN; (4). Số cơ sở GDNN ngoài công lập; (5). Số cơ sở đào tạo sơ, trung cấp; (6). Số cơ sở đào tạo cao đẳng; (7). Tổng số nhà giáo GDNN; (8). Số nhà giáo GDNN đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 7
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2013 - 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Sinh viên			Cơ sở vật chất			Giảng viên	
	Số học sinh học ĐH, CĐ	Số HS học ĐH, CĐ sư phạm	Số học sinh du học	Số cơ sở giáo dục đại học	Số cơ sở giáo dục ĐH ngoài công lập	Số cơ sở GDDT tư thục không vì lợi nhuận	Tổng số Giảng viên	Số giảng viên trình độ tiến sĩ trở lên
2013	1264			0	0	0	0	0
2014	974			0	0	0	0	0
2015	1014			0	0	0	0	0
2016	1035			0	0	0	0	0
2017	974			0	0	0	0	0
2018	957			0	0	0	0	0
2019	1274			0	0	0	0	0
2020	1224			0	0	0	0	0
2021	1524			0	0	0	0	0
2022	1298		15	0	0	0	0	0

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học đại học; (2). Số học sinh theo học các trường sư phạm; (3). Số học sinh du học; (4). Số cơ sở GDDH; (5). Số cơ sở GDDH ngoài công lập; (6). Số cơ sở GDDT tư thục không vì lợi nhuận; (7). Tổng số giảng viên GDDT; (8). Số giảng viên có trình độ TS trở lên.

PHỤ LỤC 8
MỘT SỐ CHỈ SỐ LIÊN QUAN TỚI GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2013 - 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Năm	Tiếp cận và công bằng giáo dục					Chỉ số về nguồn nhân lực			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2013	89.5%	100%	100%	9.2%	8.1%	48.6	28%		
2014	88.9%	100%	100%	9.3%	7.4%	50%	30%		
2015	88.8%	100%	100%	9.5%	7.5%	67.95	30.87%		
2016	90%	100%	100%	9.5%	7.3%	70%	32%		
2017	90.5%	100%	100%	9.6%	6.5%	75%	33%		
2018	91%	100%	100%	9.7%	7.7%	78%	35%		
2019	92%	100%	100%	9.36%	6.7%	80%	35.6%		
2020	95%	100%	100%	10%	7.9%	84%	36.5%		
2021	95%	100%	100%	11%	7.7%	85%	38%		
2022	94.6%	100%	100%	9.8%	9.6%	86%	39.6%		

Ghi chú: (1). Tỷ lệ trẻ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo; (2). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6; (3). Tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học ở THCS; (4). Tỷ lệ HS theo học nghề sau THCS; (5). Số sinh viên/vạn dân; (6). Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (7). Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ; (8). Chỉ số nguồn nhân lực (HCI); (9). Chỉ số phát triển con người (HDI).

PHỤ LỤC 9
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2013 - 2023
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên chương trình, kế hoạch, dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí nhà nước thực hiện	Kinh phí xã hội hóa	Ghi chú
1	Công trình vốn sự nghiệp	2013-2022	223.576		
2	Công trình đầu tư công	2013-2022	200.217		
3	Công trình nông thôn mới	2020-2025	383.394		Mới có thống kê đến năm 2022
4	Mua sắm thiết bị theo CT 2018	2021-2025	13.063		
5	Mua sắm, sửa chữa các thiết bị dạy học	2013-2022	58.753	136.326	từ năm 2020-2023
Tổng kinh phí thực hiện:			865.940	136.326	

Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi lăm tỷ, chín trăm bốn mươi triệu đồng
